

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

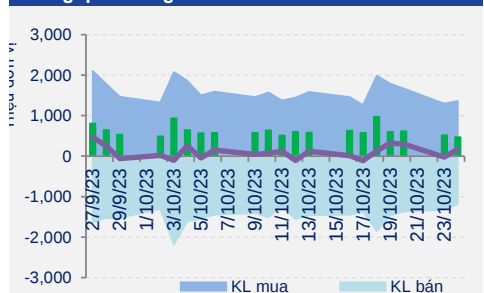
24/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

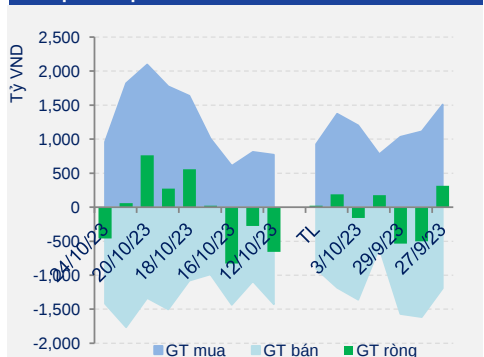
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,105.90	228.89
% Thay đổi	↑ 1.13%	↑ 1.16%
KLGD (CP)	468,446,127	64,533,688
GTGD (tỷ đồng)	10,439.74	1,284.99
Tổng cung (CP)	1,184,446,291	105,472,100
Tổng cầu (CP)	1,359,328,705	101,639,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	46,765,039	2,183,658
KL mua (CP)	29,583,931	1,231,034
GT mua (tỷ đồng)	959.75	41.71
GT bán (tỷ đồng)	1,417.82	36.52
GT ròng (tỷ đồng)	(458.07)	5.19

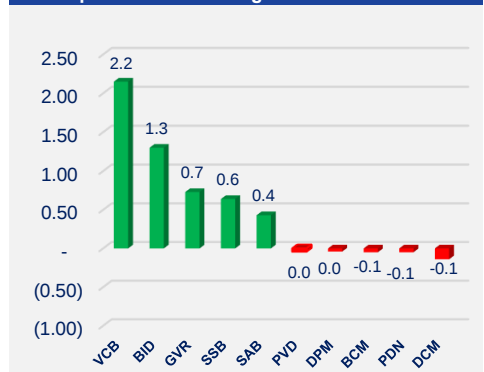
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Với áp lực điều chỉnh trong phiên trước, VN-INDEX đầu phiên tăng điểm nhẹ, thanh khoản ở mức rất thấp với nhiều mã vẫn chịu áp lực bán trong phiên giao dịch sáng. Trong phiên VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh về vùng 1.088 điểm, tương ứng vùng giá thấp của các phiên giao dịch 18,19 và 21/10/2023 sau đó phục hồi tốt trở lại với thanh khoản cải thiện hơn, lực cầu mua giá xanh gia tăng tốt hơn. Kết phiên VN-INDEX tăng 12,37 điểm (+1,13%) lên mức 1.105,9 điểm. HNX-INDEX tăng 2,63 điểm (+1,16%) lên 228,89 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tích cực trở lại với 446 mã tăng giá (14 mã tăng trần), 202 mã giảm giá (11 mã giảm sàn) và 125 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn tiếp tục ở mức thấp khi có 11.723,39 tỷ đồng được giao dịch, giảm 12,85% so với phiên trước, khoảng 60% so với mức trung bình, cho thấy mức độ phục hồi vẫn kém tích cực, nhiều mã thanh khoản suy giảm mạnh khi nhà đầu tư cá nhân giảm mạnh giao dịch. Nhà đầu tư nước ngoài sau 05 phiên giao dịch mua ròng, bán ròng khá mạnh trong phiên hôm nay với giá trị 458,07 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng ở nhóm bán lẻ, thép, ngân hàng; mua ròng trên HNX với giá trị 5,19 tỷ đồng.

Trong kỳ họp 6, Quốc hội khóa XV, Bộ trưởng Bộ KH-ĐT cho biết đến hết tháng 9-2023, việc giải ngân các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 43 đã đạt hơn 96,4 ngàn tỷ đồng. Về chính sách đầu tư công và đầu tư phát triển khác, đã phân bổ hơn 166 ngàn tỷ đồng vốn chương trình trong kế hoạch 2022, 2023 góp phần đẩy nhanh việc khởi công xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, đường cao tốc, cầu khẩu độ lớn...; Trong ngày 20/10/2023, lãi suất VND bình quân liên ngân hàng tại kỳ hạn qua đêm đã tăng lên 1,47%, gấp hơn 9 lần mức ghi nhận trong ngày 20/9/2023 - thời điểm trước khi NHNN mở lại hoạt động phát hành tín phiếu.

Với diễn biến khá tích cực ở những phiên trước, nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục có mức độ phục hồi tốt so với thị trường chung, thanh khoản cải thiện khi giá vượt lên vùng giá thấp nhất đầu tháng 10, đa số tăng giá tích cực như DIG (+6,23%), DXG (+4,73%), NLG (+3,53%), CEO (+3,45%), HDC (+3,26%).... ngoài các mã điều chỉnh như NDN (-1,89%), TDH (-0,60%)...

Các cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng cũng phục hồi tốt, nổi bật nhất với CTD (+6,87%) tăng hết biên độ với thanh khoản đột biến, C69 (+6,33%), CTI (+3,96%), HHV (+3,73%), CII (+2,88%), FCN (+2,60%)....

Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su chịu áp lực điều chỉnh ít hơn so với thị trường chung, nhiều mã cũng phục hồi khá tốt thị trường hồi phục, thanh khoản dưới trung bình như IDC (+4,10%), TIP (+3,78%), SZC (+3,74%), GVR (+3,54%), KBC (+2,80%)... ngoài LHG (-1,32%), BCM (-0,31%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán sau khi đa số chịu áp lực bán khá mạnh phiên trước đều đã phục hồi nhẹ trở lại với thanh khoản giảm khi phục hồi như VCI (+2,36%), BSI (+2,15%), AGR (+2,15%), VIX (+2,08%)... Các cổ phiếu ngân hàng đa số cũng phục hồi tốt với thanh khoản dưới mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 kết phiên tăng 7,1 điểm (+0,64%), chênh lệch gia tăng âm -5,12 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm 5,65% so với phiên trước, trên mức trung bình, khối lượng mở OI giảm, thể hiện hoạt động đầu cơ trong phiên đã giảm. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -8,12 điểm đến -11,22 điểm, mức chênh lệch các kỳ hạn ngắn gia tăng, cho thấy các trader vẫn chưa lạc quan về xu hướng của VN30.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Nỗ lực phục hồi hôm nay đã giúp Vn-Index lấy lại được mốc hỗ trợ 1.100 điểm và lại mở ra khả năng tạo đáy ngắn hạn và hình thành sóng hồi. Chốt phiên giao dịch Vn-Index tăng +12,37 điểm (+1,13%) và đóng cửa ở 1.105,90 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, nếu VnIndex tiếp tục tăng điểm trong các phiên tới thì có thể hình thành mô hình đáy W hoặc ít nhất là tạo đáy ngắn hạn và hướng tới điểm cân bằng cao hơn, tuy nhiên sự phục hồi này nếu xảy ra cũng chỉ mang tính kỹ thuật bởi xu hướng Uptrend đã kết thúc. Tuy nhiên rủi ro chỉ số điều chỉnh trở lại và kiểm định các vùng giá thấp hơn vẫn duy trì.

Xu hướng trung hạn của thị trường vẫn tiếp tục đi tìm vùng cân bằng mới và tích lũy trở lại sau khi đã kết thúc uptrend và quá trình này dự kiến sẽ cần nhiều thời gian. Nền tảng gốc tích lũy của uptrend vừa qua là khá tốt do đó chúng tôi kỳ vọng quá trình hình thành nền mới trong trường hợp tích cực là vùng 1.100 điểm - 1.250 điểm. Trong kịch bản xấu vùng tích lũy 1.000 điểm - 1.100 điểm trước đó sẽ là vùng tích lũy dài hạn.

Thị trường đang giao dịch quanh vùng hỗ trợ quan trọng 1.100 điểm và chưa xác nhận rõ ràng xu hướng ngắn hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục theo dõi trong các phiên tới và chỉ nên giải ngân với tỷ trọng thấp nếu thị trường xác nhận mô hình đáy W. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

24/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PHR	48.05	46-48	57-59	43	7.3	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	20.40	18.5-20	24-25	17.5	18.4	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	31.25	28-29.5	34-35	27	7.1	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	30.80	26-28	31-32	25	22.8	-11.0%	-34.4%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	39.50	36-38	45-46	33	6.8	-36.3%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
NT2	23.60	20.5-21.5	26-27	19	16.4	-62.4%	-162.2%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	33.0	25.9	35-37	30	27.4%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	20.0	21.7	26-28	20	-8.0%	Nắm giữ
6/10/23	VHM	44.6	45	61-63	43	-0.9%	Nắm giữ
13/10/23	PVP	14.4	14.85	18.2-19	14.5	-3.0%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ**

Đến cuối năm 2023, nợ nước ngoài của Việt Nam khoảng 3,8 triệu tỷ đồng

Bộ Tài chính nhận định giai đoạn 2021 – 2023, công tác huy động, trả nợ công, các chỉ tiêu an toàn nợ công, hạn mức vay và bảo lãnh Chính phủ, vay nợ chính quyền địa phương đều thực hiện đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội. Tổng mức vay của Chính phủ khoảng 1,317 triệu tỷ đồng (đạt 42,9% kế hoạch), trong đó vay của ngân sách trung ương khoảng 1,279 triệu tỷ đồng (đạt 44,1% kế hoạch). Vay của Chính phủ chủ yếu huy động với kỳ hạn dài (kỳ hạn phát hành bình quân trái phiếu chính phủ giai đoạn 2021-2023 từ 12,6-13,92 năm, đảm bảo mục tiêu 9-11 năm); lãi suất ưu đãi và tập trung vào vốn vay trong nước.

Thủ tướng yêu cầu NHNN chỉ đạo các ngân hàng tiếp tục thúc đẩy cho vay lĩnh vực bất động sản

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Công điện số 993/CT-TTg ngày 24/10/2023 về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp phát triển thị trường bất động sản an toàn, lành mạnh, bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Thủ tướng cũng yêu cầu có chính sách khuyến mại tín dụng đặc biệt dành cho các dự án bất động sản khả thi, tiến độ triển khai nhanh, tạo động lực cho tăng trưởng và thúc đẩy thị trường bất động sản. Bên cạnh đó, yêu cầu NHNN chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng rà soát kỹ các thủ tục điều kiện cho vay thuận lợi thông thoáng, kiểm soát được và đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư cũ.

Năm 2024: Dự toán chi ngân sách nhà nước khoảng 2,1 triệu tỷ đồng đối với 9 lĩnh vực

Thông tin tại chương trình kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV chiều ngày 23/10, Bộ trưởng Bộ Tài chính cho biết dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 khoảng 1.700,9 nghìn tỷ đồng, tăng 80,1 nghìn tỷ đồng (khoảng 5%) so với dự toán và ước thực hiện năm 2023. Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước đạt 15,3% GDP. Dự toán năm 2024 được xây dựng đã dự tính tiếp tục thực hiện mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, mỡ nhờn và những khoản hụt thu do tiếp tục thực hiện giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng (thuế VAT) trong 6 tháng đầu năm 2024.

Dư nợ tín dụng bất động sản đạt gần 987.000 tỷ đồng

Bộ Xây dựng vừa công bố tình hình nhà ở và thị trường bất động sản quý 3/2023. Trong đó đã đưa số liệu từ báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cho thấy tính đến 31/8/2023, dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 986.477 tỷ đồng. Cụ thể, dư nợ tín dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án phát triển nhà ở là 266.248 tỷ đồng; dư nợ tín dụng đối với các dự án văn phòng là 40.622 tỷ đồng; dư nợ tín dụng đối với các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất là 56.571 tỷ đồng.

**TIN DOANH NGHIỆP**

ACB: Lợi nhuận 9 tháng 2023 đạt hơn 15.000 tỷ đồng, hoàn thành 75% kế hoạch năm

Kết quả kinh doanh 9 tháng vừa được ACB công bố cho thấy, lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, ACB bám sát mục tiêu đề ra, đạt hơn 15.000 tỷ lợi nhuận trước thuế, tương đương 75% kế hoạch lợi nhuận năm. Riêng lợi nhuận trong quý III/2023 đạt hơn 5.000 tỷ đồng, ghi nhận sự tăng trưởng so với quý II vừa qua cũng như so với quý III/2022. Thu nhập ngoài lãi tăng 45% so với cùng kỳ đã góp phần giúp ACB tăng trưởng lợi nhuận. Trong đó, mua bán ngoại tệ và hoạt động đầu tư tiếp tục đóng góp lớn vào thu nhập giúp đưa tỷ trọng thu nhập ngoài lãi lên 23% trong tổng doanh thu, cao hơn so với cùng kỳ (18%).

Vingroup ghi nhận doanh thu kỷ lục gần 2 tỷ USD trong quý 3/2023 nhờ doanh số xe điện tăng và bàn giao các căn thấp tầng tại dự án Vinhomes Ocean Park 2,3

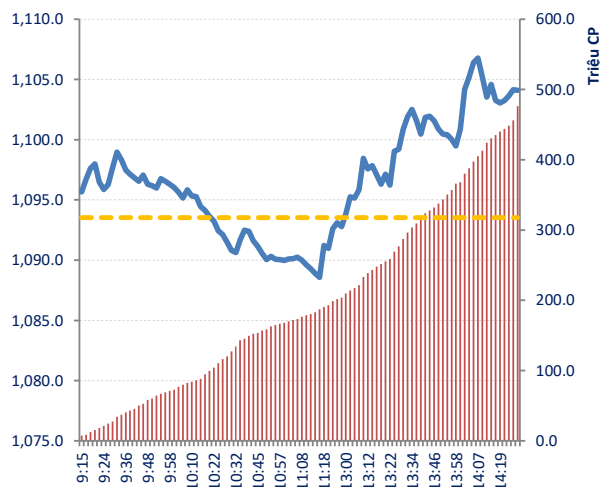
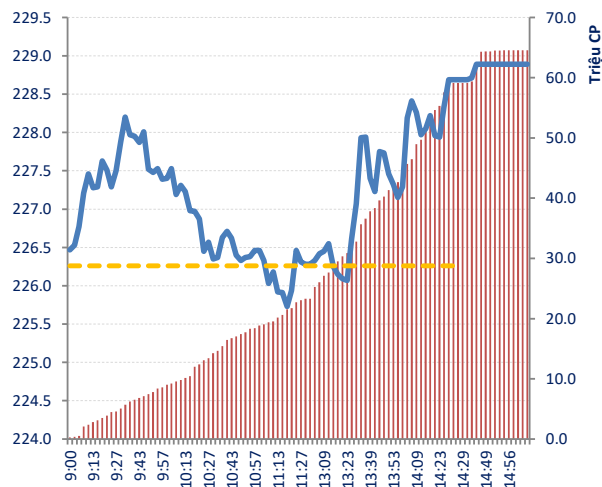
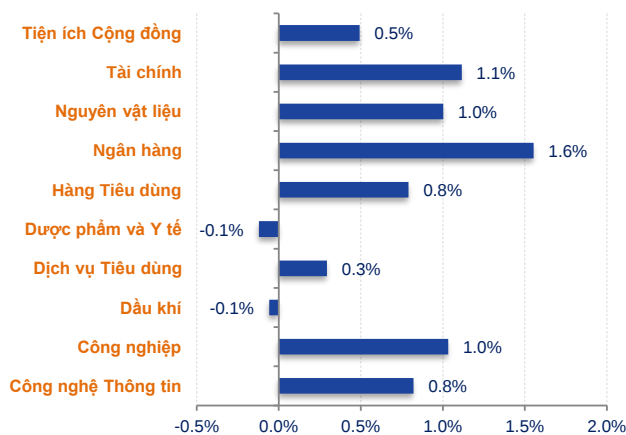
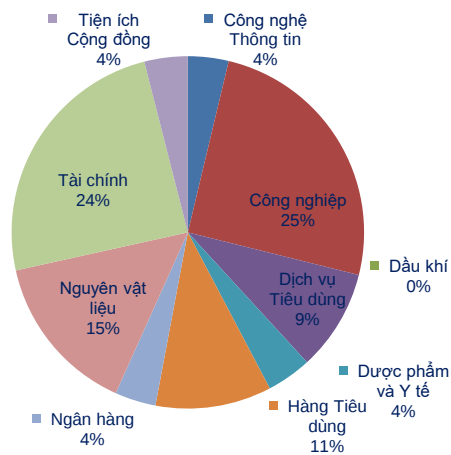
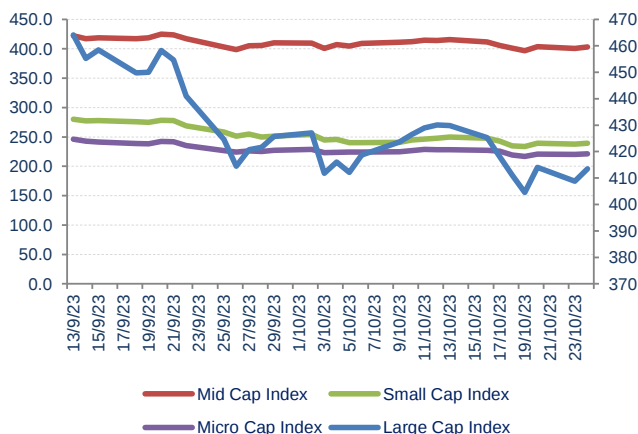
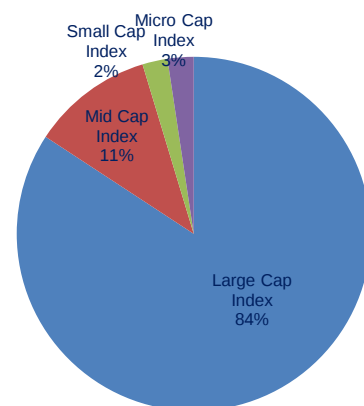
Lũy kế 9 tháng đầu năm, tổng doanh thu thuần hợp nhất của Vingroup đạt 134.207 tỷ đồng, tăng 122%. CTCP tập đoàn Vingroup (mã chứng khoán: VIC) vừa công bố BCTC quý 3/2023 với doanh thu kỷ lục trong lịch sử hoạt động là 47.948 tỷ đồng, tăng 66,5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 4.475 tỷ đồng, giảm gần 15%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 9 tháng đầu năm 2023 đạt 12.375 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 9 tháng đầu năm 2023 đạt 1.556 tỷ đồng, hoàn thành 78% kế hoạch cả năm.

Đạm Cà Mau (DCM) báo lợi nhuận quý 3/2023 giảm gần 90%, cầm gần 10.000 tỷ tiền mặt và tiền gửi

Lũy kế 9 tháng, DCM ghi nhận doanh thu thuần 9.036 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ gần 614 tỷ đồng. CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (Đạm Cà Mau, mã chứng khoán: DCM) vừa công bố BCTC quý 3/2023 với doanh thu 3.010 tỷ đồng, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước. Theo giải trình, sản lượng tiêu thụ các sản phẩm trong quý vừa qua tăng 36% nhưng giá phân bón giảm mạnh khiến doanh thu của công ty giảm. Kết quả, Đạm Cà Mau mang về 73,4 tỷ đồng lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ, giảm 90% so với cùng kỳ năm trước. EPS giảm từ 1.272 đồng về còn 101 đồng. Đây là khoản lợi nhuận thấp nhất mà doanh nghiệp này ghi nhận kể từ quý 3/2019.

9 tháng đầu năm 2023, Ngân hàng Hàng hải (MSB) báo lãi 5.223 tỷ đồng, hoàn thành 83% kế hoạch năm

Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (HOSE: MSB) vừa công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm với chỉ tiêu lợi nhuận đạt 83% kế hoạch năm. Cụ thể, kết thúc 9 tháng, tổng thu nhập hoạt động (TOI) của MSB đạt 9.567 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2022. Thu nhập lãi thuần đạt hơn 6.800 tỷ đồng, tăng 9% so với 9 tháng đầu năm trước. Đẩy mạnh nguồn thu từ hoạt động phi tín dụng nhằm bù đắp các tác động của thị trường lên tín dụng, tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên tổng thu nhập đạt gần 29%, tăng hơn 6% so với cùng kỳ. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 1.315 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ 2022, trong đó doanh thu từ dịch vụ thanh toán chiếm tỷ trọng 43% trong tổng doanh thu phí dịch vụ. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt gần 1.031 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KBC	923,900	MWG	3,188,241
2	DIG	584,400	HDB	1,738,905
3	HHV	499,100	HPG	1,490,367
4	GEX	482,845	VHM	1,434,240
5	VPB	378,673	FUESSVFL	1,160,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	737,600	SHS	1,883,802
2	NRC	221,600	TNG	134,756
3	EVS	66,700	NVB	50,000
4	TIG	37,400	HUT	33,200
5	MST	37,100	PVG	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
EIB	17.75	18.30	↑ 3.10%	32,379,400
VIX	14.40	14.70	↑ 2.08%	18,273,900
SHB	10.30	10.60	↑ 2.91%	16,934,300
DIG	20.05	21.30	↑ 6.23%	16,056,500
GEX	20.65	21.45	↑ 3.87%	14,702,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	16.30	16.50	↑ 1.23%	19,326,762
CEO	20.30	21.00	↑ 3.45%	8,905,742
IDC	48.80	50.80	↑ 4.10%	4,200,675
HUT	21.20	21.60	↑ 1.89%	3,202,276
PVS	38.20	38.10	↓ -0.26%	3,103,391

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TIX	33.10	35.40	2.30	↑ 6.95%
GMH	10.15	10.85	0.70	↑ 6.90%
CTD	49.50	52.90	3.40	↑ 6.87%
BKG	4.25	4.54	0.29	↑ 6.82%
GTA	15.90	16.95	1.05	↑ 6.60%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFN	23.00	25.30	2.30	↑ 10.00%
PGT	3.00	3.30	0.30	↑ 10.00%
TKU	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%
VC6	14.40	15.80	1.40	↑ 9.72%
CCR	10.30	11.30	1.00	↑ 9.71%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCM	46.80	42.00	-4.80	↓ -10.26%
PDN	100.00	92.70	-7.30	↓ -7.30%
VNE	7.47	6.95	-0.52	↓ -6.96%
HU1	8.83	8.22	-0.61	↓ -6.91%
ABR	16.10	15.00	-1.10	↓ -6.83%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PJC	23.00	20.70	-2.30	↓ -10.00%
HJS	35.00	31.60	-3.40	↓ -9.71%
PEN	9.80	8.90	-0.90	↓ -9.18%
PCG	6.90	6.30	-0.60	↓ -8.70%
THB	9.50	8.70	-0.80	↓ -8.42%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	32,379,400	12.2%	1,462	12.1	1.2
VIX	18,273,900	8.2%	1,005	14.3	1.1
SHB	16,934,300	17.7%	2,183	4.7	0.7
DIG	16,056,500	1.2%	152	131.7	1.6
GEX	14,702,100	1.6%	385	53.7	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	19,326,762	5.4%	643	25.3	1.3
CEO	8,905,742	7.7%	877	23.1	1.4
IDC	4,200,675	20.7%	3,969	12.3	2.6
HUT	3,202,276	1.3%	118	180.2	1.9
PVS	3,103,391	7.2%	1,953	19.6	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TIX	↑ 6.9%	12.7%	3,515	9.4	1.2
GMH	↑ 6.9%	9.5%	1,063	9.6	0.9
CTD	↑ 6.9%	0.8%	683	72.4	0.5
BKG	↑ 6.8%	2.0%	258	16.4	0.3
GTA	↑ 6.6%	1.5%	244	65.2	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SFN	↑ 10.0%	12.9%	3,262	7.1	0.9
PGT	↑ 10.0%	-42.1%	(1,244)	-	1.1
TKU	↑ 9.9%	-2.7%	(323)	-	0.9
VC6	↑ 9.7%	8.1%	1,197	12.0	1.0
CCR	↑ 9.7%	5.0%	569	18.1	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	923,900	17.8%	4,373	7.0	1.2
DIG	584,400	1.2%	152	131.7	1.6
HHV	499,100	3.6%	954	15.5	0.6
GEX	482,845	1.6%	385	53.7	0.8
VPB	378,673	9.7%	1,532	13.7	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	737,600	20.7%	3,969	12.3	2.6
NRC	221,600	-5.9%	(788)	-	0.4
EVS	66,700	-4.8%	(551)	-	0.4
TIG	37,400	7.6%	1,091	9.5	0.7
MST	37,100	8.1%	913	5.1	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	472,278	23.0%	5,797	14.6	2.6
BID	203,859	19.0%	4,025	10.0	1.8
VHM	193,769	29.1%	10,341	4.3	1.1
GAS	185,117	20.3%	5,567	14.5	2.3
VIC	165,525	3.9%	1,395	31.1	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	18,921	1.3%	118	180.2	1.9
PVS	18,258	7.2%	1,953	19.6	1.4
IDC	16,104	20.7%	3,969	12.3	2.6
THD	13,552	2.9%	458	76.8	2.0
SHS	13,254	5.4%	643	25.3	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PIT	3.54	-0.6%	(47)	-	0.9
QCG	2.99	-0.4%	(63)	-	0.7
AGM	2.83	-50.2%	(10,382)	-	0.5
LGL	2.65	5.9%	769	5.2	0.3
VPG	2.58	-1.2%	(214)	-	0.8

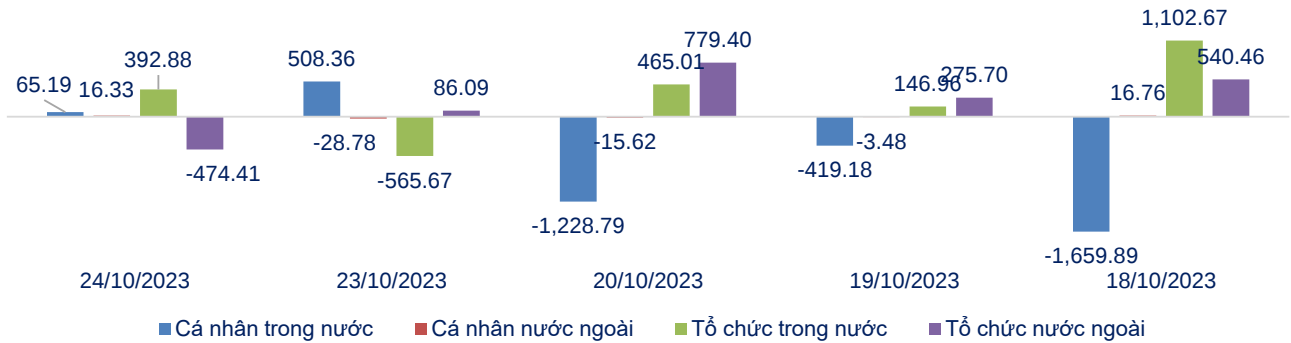
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	2.72	3.9%	549	18.2	0.7
VC7	2.70	6.2%	682	29.0	1.7
HBS	2.50	3.2%	392	19.4	0.6
HUT	2.48	1.3%	118	180.2	1.9
AAV	2.45	-1.4%	(169)	-	0.4



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	92.32	6.6%	1,069	40.2	2.7
VHM	69.63	29.1%	10,341	4.3	1.1
DCM	54.81	21.5%	4,286	7.6	1.6
DPM	48.54	19.1%	6,403	5.5	1.1
VCI	31.29	5.7%	911	39.5	2.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-48.62	29.7%	9,010	9.7	2.7
KBC	-40.76	17.8%	4,373	7.0	1.2
VCB	-36.61	23.0%	5,797	14.6	2.6
FPT	-33.46	22.3%	4,815	18.9	4.1
STB	-32.07	17.2%	3,601	8.2	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	11.18	22.3%	3,496	5.1	0.9
HPG	4.13	-2.0%	(328)	-	1.4
SSI	2.76	8.9%	1,346	22.7	2.0
DIG	2.41	1.2%	152	131.7	1.6
FPT	1.38	22.3%	4,815	18.9	4.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HAH	-3.13	20.6%	5,583	6.1	0.8
GMD	-2.68	26.9%	7,565	8.2	1.9
DGC	-1.52	29.7%	9,010	9.7	2.7
VND	-1.45	3.9%	467	41.6	1.6
CTR	-1.13	29.7%	4,238	17.7	5.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	42.87	6.6%	1,069	40.2	2.7
STB	42.57	17.2%	3,601	8.2	1.3
VCB	36.15	23.0%	5,797	14.6	2.6
HPG	28.42	-2.0%	(328)	-	1.4
DGC	25.88	29.7%	9,010	9.7	2.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	-32.49	19.1%	6,403	5.5	1.1
HTN	-29.92	-1.0%	(175)	-	0.9
DCM	-29.37	21.5%	4,286	7.6	1.6
PNJ	-11.17	19.8%	5,505	13.5	2.6
EIB	-8.07	12.2%	1,462	12.1	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	28.41	17.8%	4,373	7.0	1.2
FPT	26.23	22.3%	4,815	18.9	4.1
DGC	24.25	29.7%	9,010	9.7	2.7
GEX	10.07	1.6%	385	53.7	0.8
DIG	9.65	1.2%	152	131.7	1.6

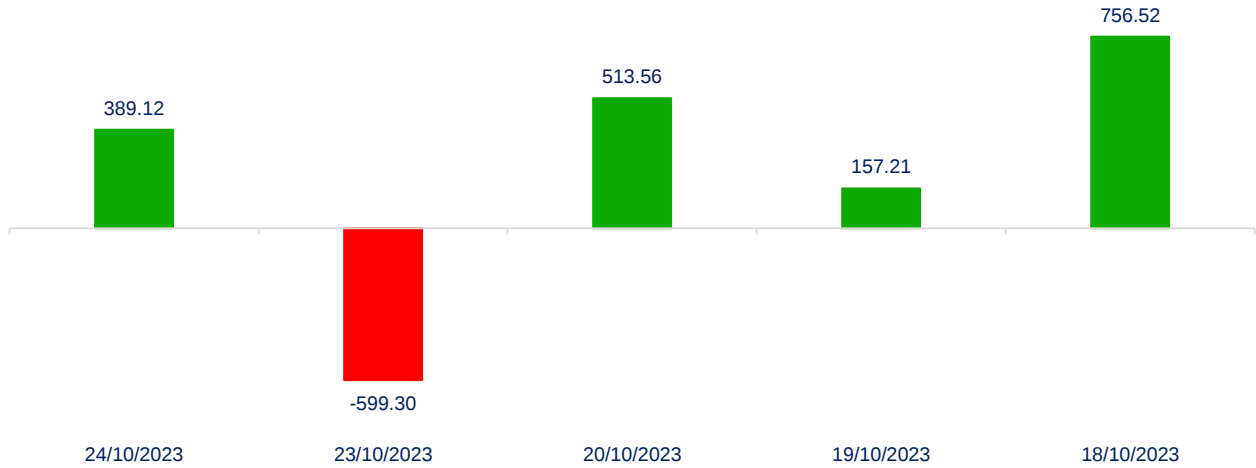
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-135.58	6.6%	1,069	40.2	2.7
VHM	-63.98	29.1%	10,341	4.3	1.1
HPG	-39.85	-2.0%	(328)	-	1.4
VCI	-32.55	5.7%	911	39.5	2.2
VNM	-31.68	23.9%	3,937	17.8	4.0

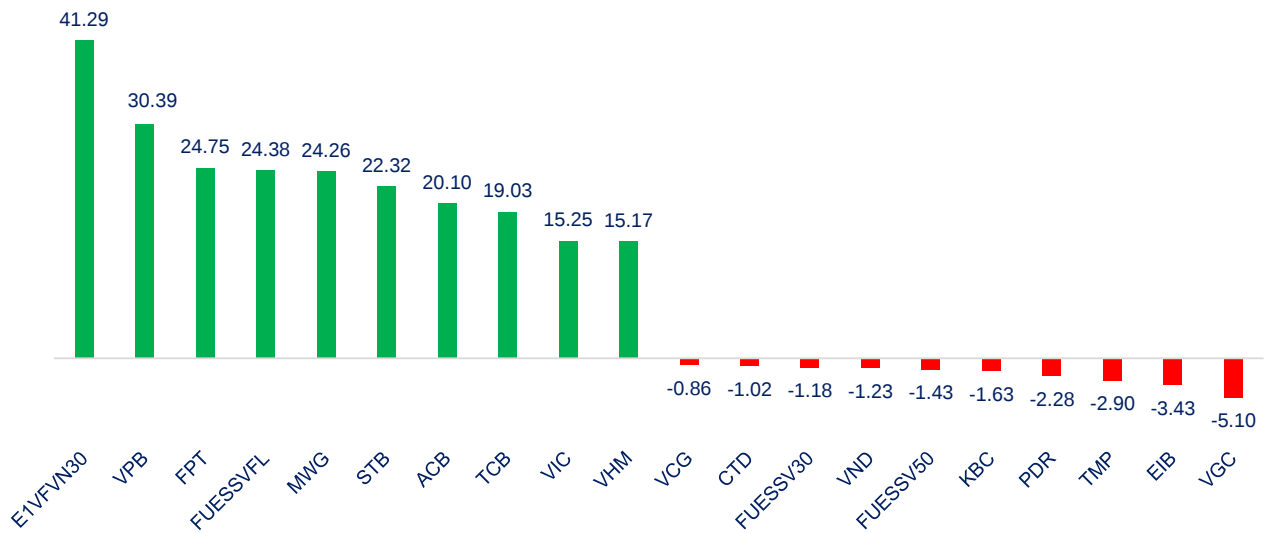


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn